

Bản án số: 173/2017/HSPT

Ngày: 15/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đông**.

+ Các thẩm phán: Bà **Lê Thúy Phượng**.

Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:

Ông **Lê Ngọc Xuân Thiện** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Văn Nhơn** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 188/2017/TLPT-HS ngày 18/10/2017 đối với các bị cáo **Trương Nhật N** do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Trương Nhật N; sinh năm 1994; nơi ĐKNKTT: thôn B, xã N, thị xã NH, tỉnh K; Quốc tịch: Việt nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trương C (chết) và con bà Nguyễn Thị Ng (sinh năm 1964); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bảo chữa cho bị cáo Trương Nhật N:**

Ông **Lê Văn T**- Luật sư –Văn phòng Luật sư Văn Trường thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.Có mặt.

*** Người bị hại có kháng cáo:**

Ông **Nguyễn Văn Ng**; sinh năm 1977;

Trú tại: thôn B, xã N, thị xã H, tỉnh K.Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã NH thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 11/6/2012, Trương Nhật N rủ Đặng Quốc Tr đi trộm cắp tài sản, Tr đồng ý rồi cả hai đến nhà ông Nguyễn Văn Ng ở thôn B, xã N, thị xã NH, tỉnh K, lúc này nhà ông Ng đã ngủ. N và Tr lén lút vào bên hông nhà lấy trộm 13 cây sắt hình trụ tròn, mỗi cây dài 4,5m đem đi cất giấu, N về nhà lấy xe mô tô biển kiểm soát 79R2-6671 của gia đình chở Tr ngồi sau vác số cây sắt trên làm 03 lần đến bán cho ông Nguyễn Tấn Tr1 ở thôn B, xã N với giá 100.000 đồng/cây X13 cây = 1.300.000 đồng tiêu xài.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐG ngày 27/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã NH thì số tài sản do N, Tr chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Ng có tổng giá trị là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, qua điều tra còn phát hiện, khoảng 22 giờ 30 ngày 10/6/2012, Trương Nhật N và Đặng Quốc Tr đến nhà ông Nguyễn Văn Ng lấy trộm 06 cây sắt hình trụ tròn, mỗi cây dài 4,5m đem bán cho ông Nguyễn Tấn Tr1 được 600.000 đồng chia nhau tiêu xài. Tuy nhiên, theo kết luận định giá tài sản số 53 ngày 26/6/2012 thì số tài sản do N, Tr chiếm đoạt của ông Ng trị giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại bản án hình sự số 60/2017/HSST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh K quyết định:

+Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, g, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; điều 53 của Bộ luật hình sự đối với **Trương Nhật N**, xử phạt bị cáo **Trương Nhật N 09 (chín) tháng tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử phạt đối với các bị cáo Đặng Quốc Tr, Nguyễn Tấn Tr và quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15/9/2017, bị cáo Trương Nhật N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 19/9/2017, người bị hại Nguyễn Văn Ng có đơn kháng cáo xin cho bị cáo N được giảm án và hưởng án treo.

Viện kiểm sát phát biểu tranh luận tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người bị hại và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt nên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo và của người bị hại trong thời hạn nên có cơ sở để xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Nhật N khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi mà bị cáo thực hiện như nội dung án sơ thẩm. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa, như vậy có đủ cơ sở để kết luận Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trương Nhật N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến lĩnh vực trật tự, an toàn công cộng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang đến đời sống cộng đồng dân cư, bản thân bị cáo trong thời gian gần đây nhiều lần có hành vi trộm cắp do đó cần phải xử lý bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi và nhân thân của bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo và người bị hại: Khi xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật và xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người lao động, có nơi ở ổn định, tài sản trộm cắp được thu hồi trả ngay cho người bị hại, tại phiên tòa, người bị hại tha thiết yêu cầu Tòa án chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo nên cấp phúc thẩm xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi ở ổn định và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 bộ luật hình sự đối chiếu với Nghị quyết 01/2013, bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì các lẽ đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trương Nhật N** và người bị hại **Nguyễn Văn Ng**, sửa án sơ thẩm:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trương Nhật N 09 (chín) tháng tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Cho hưởng án treo thời hạn thử thách là **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** kể

từ ngày tuyên án phúc thẩm (15/12/2017). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, thị xã NH giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo **Trương Nhật N** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND, VKSND thị xã NH;
- Chi Cục THADS, Công an thị xã NH;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đông